

Bản án số: 11/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 25/4/2024
V/v: Tranh chấp hôn nhân gia
đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Hoàng Văn Đức
- Bà Chu Thị Hồng Nhật

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Quyên - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên Tòa: Bà Ngô Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 176/2023/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 11/2024/QĐXX - ST ngày 01 tháng 4 năm 2024, Quyết định hoãn phiên Tòa số 09/2024/QĐST- HNGĐ ngày 16/4/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Phạm Minh P, sinh năm 1990;

Nơi cư trú: Số nhà B, đường A, Khu đô thị P, tổ E, phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1987;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà B, đường A, Khu đô thị P, tổ E, phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

Chỗ ở hiện nay: Căn hộ E, tầng E, chung cư P, phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

(Chị T vắng mặt tại phiên Tòa, anh P có đơn xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 24/8/2023, cũng như tại bản tự khai, nguyên đơn anh Phạm Minh P trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị T tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn ngày 30/7/2009 tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Nguyên nhân chính dẫn đến việc anh có đơn xin ly hôn chị Nguyễn Thị T là sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi vã, xúc phạm đến danh dự của nhau và đầu năm 2023 anh và chị T đã sống ly thân, trong thời gian ly thân chị T thường gây áp lực về danh dự của anh ở xã hội và gia đình. Nay anh xác định tình cảm giữa anh và chị T không còn, anh kiên quyết xin ly hôn chị T. Việc ly hôn anh đã suy nghĩ kỹ và hoàn toàn tự nguyện. Về nuôi con chung: Quá trình chung sống, anh và chị T có hai con chung là Phạm Phương L, sinh ngày 02/12/2009 và Phạm Bảo N, sinh ngày 01/10/2012. Ly hôn, anh có nguyện vọng trực tiếp nuôi con Phạm Bảo N, nếu chị T không nuôi con Phạm Phương L thì anh xin nuôi cả hai con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Về tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn như anh P đã trình bày là đúng. Tháng 8/2023 vừa qua hai vợ chồng chị có xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng chưa có tiếng nói chung nên anh P có làm đơn ly hôn. Riêng bản thân chị có suy nghĩ vợ chồng lầy nhau đến nay đã gần 15 năm, vợ chồng nào cũng có lúc nọ lúc kia không thể tránh khỏi và rất muốn có thời gian để hai vợ chồng nhìn lại tất cả, từ bỏ cái tôi của mình để sống vì con, gia đình và vì bố mẹ. Con gái chị năm nay học lớp 9 và chuẩn bị thi vào cấp 3 chị rất muốn giữ vững tâm lý cho cháu để cháu ổn định bước qua kỳ thi trên, hơn nữa bố mẹ chồng chị cũng gần 90 tuổi và cũng không muốn làm bố mẹ phiền lòng. Quan điểm của chị mong muốn vợ chồng về đoàn tụ để nuôi dạy con chung. Chị không có quan điểm về con chung và tài sản.

Tại phiên Tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Phạm Minh P được ly hôn chị Nguyễn Thị T. Về quan hệ con chung: Giao con chung Phạm Bảo N, sinh ngày 01/10/2012 cho anh Phạm Minh P trực tiếp nuôi dưỡng. Giao con chung Phạm Phương L, sinh ngày 02/12/2009 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Về quan hệ tài sản và nợ chung: Không đặt ra giải quyết. Về án phí: Anh Phạm Minh P phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

- Về thủ tục tố tụng: Anh Phạm Minh P có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử theo trình tự vắng mặt của nguyên đơn. Chị Nguyễn Thị T là bị đơn đã được

Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên căn cứ vào khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt chị T.

- Về nội dung:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Minh P và chị Nguyễn Thị T kết hôn với nhau có đăng ký ngày 30/7/2009, tại Ủy ban nhân dân phường Đ, tỉnh Thái Bình, đây là hôn nhân tự nguyện, hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, giữa anh P và chị T không tôn trọng, quan tâm, giúp đỡ nhau, chia sẻ thực hiện công việc trong gia đình. Anh P và chị T đều bất đồng về suy nghĩ cũng như lối sống, hành động đều trái ngược nhau, do đó hai bên không quan tâm, không có trách nhiệm và nghĩa vụ với nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8/2023 đến nay, anh P kiên quyết xin ly hôn chị T và hơn nữa chị T không có biện pháp gì cải thiện quan hệ hôn nhân, như vậy, tình trạng hôn nhân giữa anh P và chị T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Phạm Minh P, xử cho anh P được ly hôn chị T.

[2]. Về quan hệ con chung: Vợ chồng anh P và chị T có hai con chung Phạm Phương L, sinh ngày 01/12/2009, Phạm Bảo N, sinh ngày 01/10/2012. Ngày 15/3/2024, Tòa án lập biên bản về việc không ghi được ý kiến của con chung; ngày 31/3/2024, Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình đã ban hành thông báo yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ gửi chị Nguyễn Thị T yêu cầu cung cấp cho Tòa án các tài liệu sau: “1. Các tài liệu, chứng cứ chứng minh về thu nhập, nơi ở và điều kiện khác của chị đảm bảo việc nuôi 02 con chung Phạm Phương L và Phạm Bảo N. 2. Các chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của chị (nếu có)” nhưng chị T không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ trên cho Tòa án nên Hội đồng xét xử cần giao con Phạm Bảo N cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng. Giao con Phạm Phương L cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3]. Về quan hệ tài sản và nợ chung: Về quan hệ tài sản và nợ chung anh P khai: Anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị T không thể hiện quan điểm của mình về phần tài sản và không có lời khai về phần tài sản, không có mặt tại phiên tiếp cận chứng cứ công khai và hòa giải tại phiên Tòa. Do đó phần tài sản Tòa án không giải quyết. Khi nào các đương sự có yêu cầu chia tài sản phải thực hiện thủ tục khởi kiện theo quy định chung của pháp Luật tố tụng dân sự. Tòa án sẽ thụ lý giải quyết bằng một vụ án khác.

[4]. Về án phí: Anh P phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 án phí, lệ phí Tòa án.1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Phạm Minh P được ly hôn chị Nguyễn Thị T.

2. Về quan hệ con chung: Anh Phạm Minh P và chị Nguyễn Thị T có hai con chung Phạm Phương L, sinh ngày 02/12/2009 và Phạm Bảo N, sinh ngày 01/10/2012. Xử giao con Phạm Bảo N, sinh ngày 01/10/2012 cho anh Phạm Minh P trực tiếp nuôi dưỡng. Xử giao con Phạm Phương L, sinh ngày 02/12/2009 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh P, chị T có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Anh P, chị T có quyền yêu cầu thay đổi nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có yêu cầu.

3. Về quan hệ tài sản và nợ chung: Tòa án không giải quyết về phần tài sản. Khi nào anh P và chị T có yêu cầu chia tài sản phải thực hiện thủ tục khởi kiện theo quy định chung của pháp luật tố tụng dân sự, Tòa án sẽ thụ lý và giải quyết bằng vụ án khác.

4. Về án phí: Anh Phạm Minh P phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Anh P đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0001607 ngày 06 tháng 10 năm 2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình. Chuyển số tiền anh P đã nộp tạm ứng 300.000 đồng sang tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Phạm Minh P, chị Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND TP. Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Các đương sự;
- Cơ quan thực hiện việc ĐKKH: UBND phường Đề Thám, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh